

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1811/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. **Chị Bùi Thị Thanh Th**, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. **Anh Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1988, địa chỉ cư trú: Khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, chị Bùi Thị Thanh Th, anh Nguyễn Quốc B cùng nộp đơn “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, chị Th và anh B thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 06/8/2020. Anh B và chị Th cư trú tại phường T thuộc thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của chị Th và anh B được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Chị Bùi Thị Thanh Th, anh Nguyễn Quốc B chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100, quyển số 01/2010 ngày 19/5/2015. Chị Th, anh B có ba con chung là Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 26/3/2010, Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 28/10/2013 và Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 11/12/2019. Anh B, chị Th thỏa thuận giao ba con chung cho chị Th nuôi dưỡng, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Th, anh B không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, chị Th và anh B thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Chị Th, anh B xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung .

Xét thấy chị Th, anh B thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của chị Th và anh B đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của chị Th, anh B.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Bùi Thị Thanh Th và anh Nguyễn Quốc B.

- Về con chung: ba con chung là Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 26/3/2010, Nguyễn Ngọc V, sinh ngày 28/10/2013 và Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 11/12/2019. Anh B, chị Th thỏa thuận giao ba con chung cho chị Th nuôi dưỡng, anh B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đồng/tháng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị Th, anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp

luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quốc B và chị Bùi Thị Thanh Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị Thanh Th và anh Nguyễn Quốc B mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0009937 ngày 27/7/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, chị Th và anh B đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ